

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 7 năm 2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI
CỦA NGƯỜI HỌC VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2021-2022**

Căn cứ Kế hoạch số 01/KH-ĐVTDT ngày 04 tháng 01 năm 2022 về việc “*Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của Giảng viên năm học 2021-2022*” của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

Căn cứ kết quả khảo sát trực tuyến lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của Giảng viên học kỳ II, năm học 2021-2022.

1. Mục đích khảo sát

Kết quả khảo sát từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên là nguồn dữ liệu để lãnh đạo nhà Trường và các Khoa xem xét, đánh giá và đề ra các biện pháp nhằm cải tiến chất lượng giảng dạy của giảng viên, điều chỉnh chương trình đào tạo góp phần cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Góp phần nâng cao chất lượng của giảng viên trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo của nhà trường; tạo thêm kênh thông tin để giúp giảng viên có thể tự điều chỉnh hoạt động giảng dạy và nhà trường kịp thời điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với nhu cầu thực tế của xã hội.

Góp phần thực hiện công tác kiểm định đánh giá chất lượng của Nhà trường.

2. Nội dung khảo sát

Gồm 6 nội dung chính (với 22 tiêu chí đánh giá):

- Thông tin môn học và tài liệu phục vụ giảng dạy
- Nội dung giảng dạy
- Phương pháp giảng dạy
- Hoạt động giảng dạy
- Công tác kiểm tra, đánh giá sinh viên
- Cảm nhận về môn học
- Phản hồi khác

3. Phương pháp khảo sát: Trực tuyến

4. Kết quả khảo sát

Tổng số phiếu khảo sát thu về: **2237** lượt phiếu. Kết quả khảo sát có **2108** lượt phiếu hợp lệ.

Kết quả khảo sát học kỳ II, năm học 2021-2022 có có **107** Giảng viên nhận được phiếu đánh giá hợp lệ.

Đại học chính quy: 1.552 lượt phiếu Đạt tỉ lệ 73,7%

Đại học liên thông chính quy: 525 lượt phiếu Đạt tỉ lệ 24,9%

Đại học Vừa học vừa làm: 20 lượt phiếu Đạt tỉ lệ 0,9 %

Trung cấp năng khiếu: 11 lượt phiếu Đạt tỉ lệ 0,5 %

4.1. Số lượng phiếu khảo sát trực tuyến tổng hợp theo Khoa, ngành học.

TT	Khoa	Ngành	Số lượt phiếu	Tỉ lệ	Ghi chú
1	Âm nhạc	Thanh nhạc	48	2.27 %	
		Sư phạm Âm nhạc	438	20.78 %	
		TC Thanh nhạc	08	0.38 %	
		TC Nhạc cụ	03	0.14 %	
2	Mỹ Thuật	Sư phạm Mỹ thuật	152	7.21 %	
		Thiết kế Đồ họa	25	1.19 %	
		Thiết kế Thời trang	08	0.38 %	
3	Du lịch	Du lịch	12	0.57 %	
		Quản trị Dịch vụ, Du lịch và Lữ hành	87	4.13 %	
		Quản trị Khách sạn	153	7.26 %	
4	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	697	33.06 %	
5	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	234	11.1 %	
6	Luật&QLNN	Luật	16	0.76 %	
		Quản lý Nhà nước	20	0.95 %	
7	Thể dục Thể thao	Quản lý Thể dục Thể thao	24	1.14 %	
8	Văn hóa Xã hội	Thông tin Thư viện	48	2.27 %	
		Quản lý Văn hóa	77	3.65 %	
		Công tác Xã hội	42	2 %	
		Công nghệ Truyền thông	16	0.76 %	
Tổng:			2108	100%	

4.2. Tổng hợp kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của Giảng viên qua câu hỏi.

TT	Giảng Viên	Học Phần	Số phiếu	Kết quả khảo sát qua câu hỏi					Ghi chú
				Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Tương đối đồng ý	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý	
1	Mai Thúy An	Phương pháp Giáo dục giá trị kỹ năng sống cho trẻ mầm	10	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	

		non							
		Quản lý bảo trí và truyền thông thể thao	2	59.09%	40.91%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	2	25.00%	59.09%	15.91%	0.00%	0.00%	
		Công tác xã hội nhóm	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
2	Lê Đăng An	Giáo dục Thể chất	29	49.35%	49.68%	0.97%	0.00%	0.00%	
		Đá cầu	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Bóng chuyền	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Bóng đá	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Điền kinh	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Kế hoạch hóa TDTT	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
3	Nguyễn Thị Lan Anh	Pháp luật đại cương	25	51.27%	43.64%	5.09%	0.00%	0.00%	
		Luật lao động	4	25.00%	59.09%	15.91%	0.00%	0.00%	
		Luật Kinh tế	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
4	Trần Việt Anh	Phương pháp hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	18	86.87%	13.13%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nghiên cứu mỹ thuật truyền thống VN	17	78.34%	21.66%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nghệ thuật học đại cương	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam	6	65.91%	28.79%	5.30%	0.00%	0.00%	
		Lịch sử Mỹ thuật thế giới	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Cơ sở tạo hình 1	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Hình họa 1	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Bố cục 4	2	73.86%	26.14%	0.00%	0.00%	0.00%	
5	Nguyễn Thị Hồng Anh	Giáo dục học Mầm non	17	75.40%	24.33%	0.00%	0.27%	0.00%	
		Nghề giáo viên Mầm non	7	72.73%	22.73%	4.55%	0.00%	0.00%	
6	Tào Ngọc Biên	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	5	64.55%	35.45%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Cơ sở công nghệ thông tin	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Những vấn đề cơ bản về thiết bị dạy học ở trường phổ thông	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Quản lý dự án công nghệ thông tin	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	

		Thiết bị dạy học dùng chung ở cơ sở giáo dục	18	80.81%	19.19%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thông tin phục vụ lãnh đạo và quản lý	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Tin học đại cương	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
7	Hoàng Thanh Bình	Tiếng Việt thực hành	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
8	Lê Thị Bưởi	Kinh tế du lịch	9	66.16%	33.84%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Lễ tân ngoại giao	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Quản trị buồng	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Quản trị chất lượng dịch vụ	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Quản trị lễ tân khách sạn	17	75.40%	24.33%	0.00%	0.27%	0.00%	
9	Bùi Đức Chung	Thiết kế 5	4	6.82%	89.77%	3.41%	0.00%	0.00%	
		Thiết kế 7	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Hình họa 3	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
10	Hoàng Anh Công	Cơ sở công nghệ thông tin	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Mạng máy tính 3	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý thư viện	6	85.61%	14.39%	0.00%	0.00%	0.00%	
11	Trịnh Tất Đạt	Xử lý thông tin	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
12	Lưu Thị Ngọc Diệp	Xã hội học đại cương	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
13	Phạm Ngọc Đình	Hợp xướng 2	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Ký xướng âm 2	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Ký xướng âm 3	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
14	Mai Đông	Đàn organ	12	61.74%	38.26%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nhạc cụ 1	8	85.23%	14.77%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nhạc cụ 2	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nhạc cụ 3	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nhạc cụ 4	6	16.67%	83.33%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Piano 1	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Piano 2	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
15	Lê Thùy Dung	Đạo đức nghề trong CTXH	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Hành vi con người và môi trường xã hội	6	85.61%	14.39%	0.00%	0.00%	0.00%	
16	Lê Thị Dung	Sinh lý trẻ em	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Vệ sinh và dinh dưỡng	21	50.00%	44.16%	5.84%	0.00%	0.00%	
17	Nguyễn	Cơ sở VHVN	18	85.61%	14.39%	0.00%	0.00%	0.00%	

	Văn Dũng								
18	Đoàn Tiến Dũng	Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp	8	97.73%	2.27%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Hợp xướng 2	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Ký xướng âm 2	17	70.05%	26.20%	3.74%	0.00%	0.00%	
		Ký xướng âm 3	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nhập môn sáng tác	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Phân tích tác phẩm âm nhạc	6	85.61%	14.39%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Phương pháp dàn dựng	5	42.73%	51.82%	2.73%	1.82%	0.91%	
		Thực hành SPANTH – thanh nhạc	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
19	Lê Thị Dương	Tự động hóa hoạt động Thông tin – Thư viện	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
20	Nguyễn Thị Giang	Du lịch bền vững	16	92.05%	5.97%	1.99%	0.00%	0.00%	
		Quản trị buồng	5	95.45%	4.55%	0.00%	0.00%	0.00%	
21	Trần Minh Thanh Hà	Các phương pháp và kỹ năng cơ bản trong CTXH	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Lý thuyết công tác xã hội	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
22	Nguyễn Thị Hà	Nghiên cứu khoa học văn hóa	6	16.67%	83.33%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Phương pháp Nghiên cứu Khoa học	23	31.03%	64.03%	4.94%	0.00%	0.00%	
23	Lê Đình Hải	Kinh tế chính trị	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Triết học Mác – Lê Nin	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
24	Phạm Thị Hải	Hát	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 1	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 2	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 4	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thực hành nghề nghiệp	2	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
25	Trần Nhật Hải	Marketing	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Quản trị kinh doanh khách sạn	11	75.62%	21.49%	0.00%	2.89%	0.00%	
		Quản trị lễ tân khách sạn	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Quản trị nhà hàng	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Văn hóa và du lịch	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
26	Hoàng Thị Hằng	Những vấn đề cơ bản về thiết bị dạy học ở trường phổ	9	78.79%	16.67%	4.55%	0.00%	0.00%	

		thông							
		Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	16	73.30%	26.70%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thiết bị dạy học dùng chung ở cơ sở giáo dục	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
27	Đặng Thế Hanh	Cầu lông	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Cờ vua	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Đá cầu	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Giáo dục Thể chất	34	70.05%	26.20%	3.74%	0.00%	0.00%	
28	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Biên dịch	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Đọc nâng cao 2	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nghe cơ sở 1	8	73.86%	26.14%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nghe nâng cao 1	24	77.46%	20.64%	1.70%	0.19%	0.00%	
		Nghe nâng cao 2	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Ngữ âm-âm vị học	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nói cơ sở	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nói nâng cao 1	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Phiên dịch	5	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Tiếng Anh	28	79.55%	20.45%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Tiếng Anh 2	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
29	Bùi Thị Hậu	Dân tộc học đại cương	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Văn hóa các dân tộc Việt Nam	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Văn hóa gia đình	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
30	Nguyễn Thị Thương Hiền	Biên dịch	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nghe nâng cao 1	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nói cơ sở	8	50.57%	49.43%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nói nâng cao 1	21	47.84%	45.67%	5.63%	0.87%	0.00%	
		Nói nâng cao 2	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Tiếng Anh	15	81.82%	17.27%	0.91%	0.00%	0.00%	
		Tiếng Anh 2	7	56.49%	42.21%	1.30%	0.00%	0.00%	
31	Phạm Thị Hoàng Hiền	Âm nhạc truyền thống VN	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Hát	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 1	4	15.91%	76.14%	6.82%	1.14%	0.00%	
		Thanh nhạc 2	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 4	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 6	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
32	Hoàng Đình Hiền	Luật Hôn nhân và gia đình	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
33	Hoàng Thị Thu Hoa	Quản lý nhà nước về đô thị	4	59.09%	40.91%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Tham vấn trong công tác xã hội	5	60.00%	20.00%	9.09%	8.18%	2.73%	

34	Lê Thị Hòa	Quản lý nguồn nhân lực xã hội	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
35	Lê Ngọc Hoàn	Cơ sở công nghệ thông tin	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Ứng dụng CNTT trong GDMN	4	53.41%	43.18%	3.41%	0.00%	0.00%	
36	Nguyễn Thị Hồng	Giáo dục hòa nhập	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nghề giáo viên Mầm non	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nghiệp vụ Sư phạm 1	7	70.13%	29.87%	0.00%	0.00%	0.00%	
37	Hoàng Thị Huệ	Đọc nâng cao 2	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Giao tiếp giao văn hóa	22	61.78%	37.40%	0.62%	0.21%	0.00%	
		Nghe nâng cao 1	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Ngôn ngữ đối chiếu	25	77.46%	20.64%	1.70%	0.19%	0.00%	
		Ngữ pháp	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Tiếng Anh	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Tiếng Anh 2	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Tiếng Anh chuyên ngành 1	4	79.55%	11.36%	9.09%	0.00%	0.00%	
38	Phạm Cẩm Hùng	Tiếng Anh Du lịch	6	56.82%	43.18%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Phương pháp Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	20	70.91%	29.09%	0.00%	0.00%	0.00%	
39	Hà Đình Hùng	Địa chí văn hóa	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Cơ sở VHVN	39	65.75%	30.85%	2.71%	0.69%	0.00%	
40	Ninh Quang Hưng	Hát	6	56.82%	43.18%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Phương pháp sư phạm thanh nhạc	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 1	7	64.29%	26.62%	9.09%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 2	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 3	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 5	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 6	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
41	Tô Thị Hương	Lịch sử Thể dục thể thao	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
42	Nguyễn Thị Hường	Cơ sở VHVN	7	70.13%	29.87%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Tiếng Trung 1	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Tiếng Trung 2	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
43	Vi Minh Huy	Hòa âm 1	4	94.32%	5.68%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Hòa âm 2	35	67.53%	26.36%	5.19%	0.91%	0.00%	
		Ký xướng âm 2	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Ký xướng âm 4	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Lý thuyết âm nhạc 1	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Lý thuyết âm nhạc 2	24	77.46%	20.64%	1.70%	0.19%	0.00%	

		Nghệ vụ Sư phạm 1	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nghệ vụ Sư phạm 2	8	30.11%	69.89%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nghệ vụ Sư phạm 3	5	74.55%	21.82%	3.64%	0.00%	0.00%	
		Phương pháp dạy học âm nhạc	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
44	Vũ Thị Huyền	Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp	17	70.05%	26.20%	3.74%	0.00%	0.00%	
		Tổ chức sự kiện	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
45	Trịnh Thị Thúy Khuyên	Âm nhạc truyền thống VN	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Hát	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 1	4	85.23%	14.77%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 2	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 3	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 4	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 6	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 7	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
46	Đỗ Thị Lam	Thực hành SPANTH – thanh nhạc	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Hát	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 1	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 2	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 6	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
47	Nguyễn Thị Lan	Thực hành biểu diễn thanh nhạc	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Múa	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
48	Nguyễn Hoàng Linh	Bố cục 4	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Bố cục 5	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Hình họa 3	7	56.49%	42.21%	1.30%	0.00%	0.00%	
		Hình họa 4	4	59.09%	40.91%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Hình họa 5	6	65.91%	28.79%	5.30%	0.00%	0.00%	
		Mỹ thuật cơ bản	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
49	Lê Thị Thảo Linh	Lý luận nhà nước và pháp luật	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nhân sự hành chính nhà nước	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
50	Lê Mai Ly	Hát	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Hát dân ca	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 1	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 2	5	64.55%	35.45%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 3	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 4	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	

		Thanh nhạc 5	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
51	Mai Nguyệt Minh	Luật thương mại	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
52	Đinh Thị Mơ	Giáo dục hòa nhập	10	87.61%	12.39%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Giáo dục học Mầm non	4	50.00%	36.36%	13.64%	0.00%	0.00%	
53	Lưu Vũ Nam	Ứng dụng CNTT trong GDMN	21	59.35%	39.57%	1.08%	0.00%	0.00%	
54	Bùi Thị Ngoan	Nghiên cứu thiên nhiên	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
55	Lê Thị Ngọc	Kinh tế vi mô	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Quản trị kinh doanh khách sạn	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh toán quốc tế trong du lịch	8	98.30%	1.14%	0.57%	0.00%	0.00%	
56	Lê Quốc Nguyên	Độc nâng cao 1	21	50.00%	44.16%	5.84%	0.00%	0.00%	
		Độc nâng cao 2	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Ngữ pháp	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Tiếng Anh	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Tiếng Anh 2	13	77.97%	22.03%	0.00%	0.00%	0.00%	
57	Nguyễn Thị Nhung	Thư viện trường học	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
58	Vũ Thị Hoàng Oanh	Tư tưởng Hồ Chí Minh	9	66.16%	33.84%	0.00%	0.00%	0.00%	
59	Trần Thị Oanh	Âm nhạc cơ bản	56	79.55%	20.45%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nghiệp vụ Sư phạm 3	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Phương pháp hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	10	75.00%	24.55%	0.45%	0.00%	0.00%	
60	Hoàng Thị Kim Oanh	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	15	81.82%	17.27%	0.91%	0.00%	0.00%	
61	Phùng Thị Thúy Phương	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thống kê học	5	59.09%	20.91%	13.64%	6.36%	0.00%	
62	Trịnh Xuân Phương	Du lịch văn hóa	9	78.79%	16.67%	4.55%	0.00%	0.00%	
		Thực hành chế biến món ăn cho trẻ mầm non	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Văn hóa ẩm thực	11	55.79%	42.56%	1.65%	0.00%	0.00%	
63	Nguyễn Thị Phụng	Các phương pháp tối ưu hóa	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	8	73.86%	26.14%	0.00%	0.00%	0.00%	

64	Phạm Thị Phụng	Kinh tế chính trị Mác – Lê Nin	13	82.69%	17.31%	0.00%	0.00%	0.00%	
65	Trần Xuân Quang	Bố cục 3	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Bố cục 4	5	42.73%	51.82%	2.73%	1.82%	0.91%	
		Hình họa 3	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Hình họa 5	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
66	Nguyễn Trúc Quỳnh	Hướng dẫn du lịch	11	75.62%	21.49%	0.00%	2.89%	0.00%	
		Thực hành hướng dẫn trong du lịch	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Tổng quan Du lịch	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
67	Nguyễn Như Sơn	Luật Tổ tụng dân sự	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Luật Dân sự	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
68	Lê Xuân Sơn	Lịch sử văn minh thế giới	10	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
69	Đặng Thanh Tăng	Đàn	12	91.67%	8.33%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Đàn organ	4	95.45%	4.55%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nhạc cụ 1	9	66.16%	33.84%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nhạc cụ 2	10	26.82%	62.73%	4.55%	2.73%	3.18%	
		Nhạc cụ 3	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nhạc cụ 4	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nhạc cụ 5	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nhạc cụ 6	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Piano 2	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
70	Nguyễn Thị Thái	Mỹ học đại cương	6	65.91%	28.79%	5.30%	0.00%	0.00%	
		Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	10	71.36%	26.82%	1.82%	0.00%	0.00%	
71	Đỗ Mạnh Thắng	Đàn	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Đàn organ	4	62.50%	37.50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nhạc cụ 1	10	26.82%	62.73%	4.55%	2.73%	3.18%	
		Nhạc cụ 2	5	42.73%	51.82%	2.73%	1.82%	0.91%	
		Nhạc cụ 3	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nhạc cụ 4	5	42.73%	51.82%	2.73%	1.82%	0.91%	
		Nhạc cụ 5	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nhạc cụ 6	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Piano 2	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
72	Phạm Văn Thắng	Bố cục 5	2	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Hình họa 1	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Hình họa 2	8	85.23%	14.77%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Hình họa 4	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Hình họa 5	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
73	Vũ Trọng Thành	Đồ họa vi tính 1 (photoshop,corel,	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	

		Illustrator)							
		Thiết kế 6	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
74	Nguyễn Tiến Thành	Chỉ huy hợp xướng	7	72.73%	22.73%	4.55%	0.00%	0.00%	
		Hòa âm 2	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Hợp xướng 1	9	66.16%	33.84%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Ký xướng âm 2	7	85.71%	14.29%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Ký xướng âm 4	5	60.00%	20.00%	9.09%	8.18%	2.73%	
		Ký xướng âm 6	4	92.05%	7.95%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Lịch sử âm nhạc Phương Đông	23	31.03%	64.03%	4.94%	0.00%	0.00%	
		Lịch sử âm nhạc Phương Tây	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Phân tích tác phẩm âm nhạc	9	78.79%	16.67%	4.55%	0.00%	0.00%	
75	Tào Thị Thu Thảo	Biên dịch	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Ngữ pháp	35	67.53%	26.36%	5.19%	0.91%	0.00%	
		Tiếng Anh	8	98.30%	1.14%	0.57%	0.00%	0.00%	
		Tiếng Anh 2	48	91.67%	8.33%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Tiếng Anh chuyên ngành 1	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Tiếng Anh Văn phòng	4	55.68%	39.77%	4.55%	0.00%	0.00%	
		Viết nâng cao 1	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Viết nâng cao 2	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
76	Hoàng Thị Thảo	Kinh tế chính trị Mác – Lê Nin	10	87.61%	12.39%	0.00%	0.00%	0.00%	
77	Lê Thị Thảo	Các ngành công nghiệp văn hóa	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Chính sách văn hóa	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Di tích và danh thắng	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Quản lý di sản văn hóa	12	61.74%	38.26%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Quản lý di sản văn hóa Việt Nam	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
78	Phạm Đắc Thịnh	Hát	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 2	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
79	Bùi Thị Thu	Hát	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 1	4	95.45%	4.55%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 2	4	55.68%	39.77%	4.55%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 4	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
80	Nguyễn Thị Thục	Đại cương khoa học quản lý	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
81	Nguyễn Hồng Thúy	Thiết kế Thời trang cho hình ảnh cá nhân	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
82	Ngô Phương	Quản trị chất lượng dịch vụ	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	

	Thúy	Quản trị kinh doanh lễ hành	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
83	Vũ Thị Thủy	Chính trị	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	34	70.05%	26.20%	3.74%	0.00%	0.00%	
84	Tạ Thị Thủy	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
85	Bùi Đặng Thu Thủy	Khoa học điều tra tội phạm	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
86	Nguyễn Thị Thủy	Xây dựng văn hóa cộng đồng	7	72.73%	22.73%	4.55%	0.00%	0.00%	
87	Vũ Thị Thủy	Kinh tế du lịch	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Kỹ năng hoạt náo trong du lịch	2	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Quản trị khu Resort	24	77.46%	20.64%	1.70%	0.19%	0.00%	
88	Dương Đình Tiến	Bóng rổ	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Giáo dục Thể chất	2	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
89	Trần Tiến	Quản trị kinh doanh lễ hành	23	31.03%	64.03%	4.94%	0.00%	0.00%	
90	Nguyễn Thị Tinh	Kinh tế chính trị Mác – Lê Nin	79	69.94%	27.46%	2.50%	0.09%	0.00%	
91	Lê Văn Tĩnh	Bố cục 1	6	56.82%	43.18%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Hình họa 2	7	85.71%	14.29%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Hình họa 4	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Phương pháp dạy học mỹ thuật	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Phương pháp hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Trang trí 1	5	74.55%	21.82%	3.64%	0.00%	0.00%	
		Trang trí 2	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
92	Lê Thị Thu Trang	Âm nhạc truyền thống VN	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Hát	4	92.05%	7.95%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 1	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 2	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
93	Nguyễn Thị Thu Trang	Luật Dân sự	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
94	Nguyễn Thành Trung	Bóng đá	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Giáo dục Thể chất	16	73.33%	26.67%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Khiêu vũ thể thao	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Võ thuật	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	

95	Trịnh Ngọc Trung	Cầu lông	4	62.50%	37.50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Quản lý bảo trí và truyền thông thể thao	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
96	Đoàn Văn Trường	Chính sách xã hội	7	84.42%	15.58%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Xã hội học đại cương	9	66.16%	33.84%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Xây dựng và quản lý dự án CTXH	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
97	Nguyễn Phi Trường	Luật xa gần	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thiết kế 5	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Vẽ kỹ thuật	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
98	Nguyễn Văn Tương	Quản trị chế biến món ăn	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thực hành chế biến món ăn cho trẻ mầm non	18	85.61%	14.39%	0.00%	0.00%	0.00%	
99	Lã Thị Tuyên	Giáo dục học Mầm non	30	43.18%	30.45%	23.64%	2.73%	0.00%	
		Tâm lý lứa tuổi mầm non	2	50%	50%	0.00%	0.00%	0.00%	
100	Vũ Văn Tuyền	Tuyển điểm DL VN	10	75.00%	24.55%	0.45%	0.00%	0.00%	
101	Lê Thị Tuyết	Hát	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 1	6	65.91%	28.79%	5.30%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 3	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 4	6	56.82%	43.18%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc 6	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
102	Trần Xuân Tý	Giải phẫu tạo hình	8	50.57%	49.43%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Trang trí 1	9	78.79%	16.67%	4.55%	0.00%	0.00%	
103	Mai Thị Thanh Vân	Kỹ năng giao tiếp	56	79.55%	20.45%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Tâm lý học đại cương	7	69.93%	28.76%	1.31%	0.00%	0.00%	
104	Trần Thị Vân	Kỹ năng giao tiếp	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Phương pháp khám phá môi trường xung quanh	5	40.00%	60.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Tâm lý học đại cương	46	31.03%	64.03%	4.94%	0.00%	0.00%	
		Tâm lý học quản lý	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
105	Tăng Đức Vũ	Công nghệ cắt may váy áo dài	3	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	

106	Mai Anh Vũ	Thương mại điện tử căn bản	5	64.55%	35.45%	0.00%	0.00%	0.00%	
107	Phạm Thị Hải Yến	Sinh hóa TĐTT	1	100%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
Tổng:			2108	77.65%	21.26%	0.90%	0.14%	0.04%	

5. Kết luận

Công tác lấy phiếu phản hồi của người học về đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên đạt kết quả tốt, với 22 tiêu chí được xây dựng trong phiếu khảo sát đã phản ánh đầy đủ hoạt động giảng dạy của đội ngũ giảng viên trong nhà trường.

Giúp cải thiện chất lượng giảng dạy của giảng viên, đặc biệt giúp các giảng viên xem xét đánh giá lại phương pháp giảng dạy của mình.

Thông qua kết quả lấy phiếu phản hồi thấy rằng một số sinh viên chưa thực hiện đánh giá toàn bộ các học phần của học kỳ II, năm học 2021-2022.

6. Kiến nghị

- Đối với các Khoa Đào tạo: Đề nghị lãnh đạo các Khoa triển khai đến các lớp cho HSSV tích phiếu đầy đủ; căn cứ kết quả đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên từ người học tổ chức hoạt động cải thiện, rút kinh nghiệm đến toàn thể cán bộ giảng viên.

- Đối với các Phòng, Trung tâm: Đề nghị lãnh đạo các Phòng, Trung tâm có liên quan căn cứ ý kiến khác để xem xét, lựa chọn và đưa ra các biện pháp cải thiện cho phù hợp.

- Đối với giảng viên: Căn cứ kết quả đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên từ người học, các giảng viên xem xét, rút kinh nghiệm, phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm để nâng cao chất lượng giảng dạy trong các năm học tiếp theo.

Trên đây là báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của người học về hoạt động giảng dạy của Giảng viên học kỳ II, năm học 2021-2022. Đề nghị các đơn vị liên quan xem xét và đưa ra giải pháp khắc phục, cải thiện, nâng cao chất lượng giảng dạy của Giảng viên Nhà trường./. 

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Các Khoa đào tạo (để thực hiện);
- Lưu: VT, P.CTCT-HSSV; P.KT-ĐBCL;P.QLĐT.

**K.T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Đồng Hương Lan

PHIẾU KHẢO SÁT
LẤY Ý KIẾN NGƯỜI HỌC ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GV
KHI KẾT THÚC MÔN HỌC. HỌC KỲ II NĂM HỌC 2020-2021

Nhằm thu thập ý kiến của người học để đánh giá và cải tiến chất lượng giảng dạy trong Nhà trường, Anh/Chị vui lòng thực hiện bảng câu hỏi dưới đây. Mỗi ý kiến của Anh/Chị là sự đóng góp rất lớn cho việc nâng cao chất lượng cho Nhà trường.

*** THÔNG TIN KHẢO SÁT**

Học phần:.....; Giảng viên dạy:

Lớp:.....; Khóa học:

Trình độ, hình thức đào tạo: Đại học chính quy ☐ Đại học liên thông chính quy ☐
Đại học liên thông VLVH ☐

A. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

Tô kín hoặc đánh dấu X vào ô tương ứng với mức độ đồng ý/không đồng ý của bạn:

- ① Hoàn toàn đồng ý, ② Đồng ý, ③ Tương đối đồng ý
④ Không đồng ý ⑤ Hoàn toàn không đồng ý

TT	Nội dung khảo sát	Mức đồng ý
THÔNG TIN MÔN HỌC VÀ TÀI LIỆU PHỤC VỤ GIẢNG DẠY		
1	Anh/Chị được thông tin rõ mục tiêu, nội dung và yêu cầu môn học.	① ②③ ④⑤
2	Anh/Chị được giảng viên cung cấp đầy đủ thông tin về lịch trình/kế hoạch giảng dạy và tiêu chí đánh giá kết quả học tập.	① ②③ ④⑤
3	Anh/Chị được giảng viên cung cấp đầy đủ thông tin về tài liệu học tập và các phương tiện hỗ trợ phục vụ môn học.	① ②③ ④⑤
NỘI DUNG GIẢNG DẠY		
4	Nội dung giảng dạy được cập nhật, đổi mới.	① ②③ ④⑤
5	Nội dung giảng dạy thiết thực, hữu ích.	① ②③ ④⑤
6	Nội dung giảng dạy phù hợp với môn học, vừa sức đối với anh/chị.	① ②③ ④⑤
PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY		
7	Giảng viên trình bày nội dung bài giảng rõ ràng và dễ hiểu	① ②③ ④⑤

8	Giảng viên sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tự học, tự nghiên cứu của sinh viên	① ②③ ④⑤
9	Giảng viên khuyến khích sinh viên phát biểu hoặc đặt câu hỏi trong giờ học	① ②③ ④⑤
10	Giảng viên khuyến khích các hoạt động hợp tác theo nhóm.	① ②③ ④⑤
HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY		
11	Đảm bảo đúng thời gian lên lớp, kỷ cương trong giờ giảng; dạy đủ số giờ của học phần theo quy định	① ②③ ④⑤
12	Tác phong chuẩn mực, xử sự đúng mực với người học.	① ②③ ④⑤
13	Giảng viên nhiệt tình và có trách nhiệm trong giảng dạy.	① ②③ ④⑤
14	Giảng viên có kiến thức sâu rộng về môn học.	① ②③ ④⑤
15	Giảng viên sẵn sàng giải đáp những thắc mắc của anh/chị liên quan đến môn học.	① ②③ ④⑤
16	Giảng viên sử dụng hiệu quả các phương tiện dạy học hiện có trong phòng học (bảng, máy chiếu,...).	① ②③ ④⑤
17	Giảng viên quan tâm đến phát triển kỹ năng diễn đạt và tư duy logic của anh/chị.	① ②③ ④⑤
CÔNG TÁC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ SINH VIÊN		
18	Giảng viên sử dụng các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập khác nhau để tăng độ chính xác trong đánh giá.	① ②③ ④⑤
19	Việc đánh giá được thực hiện công bằng và phản ánh đúng năng lực của anh/chị.	① ②③ ④⑤
CẢM NHẬN VỀ MÔN HỌC		
20	Tiếp thu hiệu quả nội dung môn học qua giảng dạy của giảng viên.	① ②③ ④⑤
21	Môn học giúp anh/chị hình thành, phát triển thế giới quan, phương pháp luận khoa học, kiến thức và kỹ năng cần thiết cho chuyên môn, nghiệp vụ và thực tiễn cuộc sống.	① ②③ ④⑤
22	Anh/chị thích được học môn học này do giảng viên giảng dạy.	① ②③ ④⑤

B. PHẢN HỒI KHÁC VỀ GIẢNG VIÊN (nếu có):

.....

.....

.....

.....

.....

CẢM ƠN SỰ HỢP TÁC CỦA ANH/CHỊ!